***Ngày soạn: 11/3/2021***

***Ngày giảng:16 /3 /2021***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết: 97** |  |

**Tiếng Việt HÀNH ĐỘNG NÓI**

**(Tiếp theo)**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ qui lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả.Năng lực thực hiện hành động nói.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**-**  HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 3P)**

**a. Mục tiêu:**

HS hiểu mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định.

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu

**b. Nội dung:** hiểu biết về hành động nói đã học ở tiết trước.

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: nêu câu hỏi

Chỉ ra sự khác nhau về hành động nói giữa hai câu:

a, Em hãy học bài đi!

b, Em đang học bài à?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

-> Mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định. Vậy để thực hiện hành động nói ntn cho có hiệu quả, phù hợp với nội dung giao tiếp chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | | | | | | **Chuẩn KTKN**  **cần đạt** | |
| **Hoạt động 1: Cách thực hiện hành động nói.**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được  Mỗi kiểu câu thực hiện một hành động nói, cách thực hiện một hành động nói.  **b. Nội dung:** Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích sau đây. Xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và đánh dấu (-) vào ô không thích hợp theo bảng tổng hợp kết quả bên dưới.  2. Dựa theo cách tổng hợp kết quả ở bài tập trên, hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho ví dụ minh họa.  3.Rút ra kết luận có mấy kiểu hành động nói thường gặp?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu  Mục  đích | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | Hỏi |  |  |  |  |  | | Trình bày | **+** | **+** | **+** |  |  | | Điều khiển |  |  |  | **-** | **-** | | Hứa hẹn |  |  |  |  |  | | Bộc lộ cảm xúc |  |  |  |  |  | | | | | | | **I. Cách thực hiện hành động nói.**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:** | |
| Mục  đích  Kiểu câu | Hỏi | Trình bày  (báo tin, kể, tả...) | Điểu khiển  (cầu khiến, đe dọa...) | Hứa hẹn | | | Bộc lộ tình cảm cảm xúc |
| Nghi vấn | Cách dùng trực tiếp  - Bạn có mệt không? |  | Cách dùng gián tiếp  - Em có nghín đi không thì bảo? |  | | | Cách dùng gián tiếp  - Sao bình minh lại đẹp thế nhỉ? |
| Cầu khiến |  |  | Cách dùng trực tiếp  - Bạn đừng ham chơi nữa ! |  | | |  |
| Cảm thán |  |  |  |  | | | Cách dùng trực tiếp  - Chao ôi, bông hoa này đẹp biết bao! |
| Trần thuật |  | Cách dùng trực tiếp  - Tôi có một đứa em gái học lớp năm. |  | Cách dùng gián tiếp  - Mình hứa sẽ không đánh cậu nữa. | | | Cách dùng gián tiếp  - Tôi rất ân hận về việc làm của mình. |
| ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  GV:  - Ở VD thứ nhất, chúng ta thấy cùng là câu trần thuật nhưng thực hiện hai kiểu hành động nói trình bày (vốn là chức năng chính của nó) và điều khiến (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến)  Ở bảng 2 chúng ta thấy :  - Câu nghi vấn thực hiện hành động hỏi (vốn là chức năng chính của nó), điều khiển (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến), bộc lộ tình cảm cảm xúc (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cảm thán).  - Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó được gọi là cách dùng trực tiếp.  - Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu khác được gọi là cách dùng gián tiếp.  ? Gọi h/s đọc ghi nhớ SGK/71?  HS đọc ghi nhớ.  HS đọc | | | | | - Câu trần thuật.  - Mục đích:  + Trình bày.  -> Cách dùng trực tiếp  + Điều khiển  -> Cách dùng gián tiếp.  **3. Ghi nhớ:** sgk/71  **II. Luyện tập** | | |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của hành động nói để làm bài tập.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân (bài 2, 4). HĐ cặp đôi (bài 1,3), HĐ nhóm (bài 5).

**c. Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

**4. Phương án kiểm tra đánh giá:**

- HS tự đánh giá

- HS đánh giá lẫn nhau

- GV đánh giá HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: Bài tập 1,2,3,4,5

- HS: tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

*- HS:* hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

*- Giáo viên:* quan sát, hướng dẫn hs

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1. Bài tập 1:

a. Từ xưa các bậc trung thần… đời nào không có? (Khẳng định).

b. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi… có được không ? (Hành động phủ định).

c. Lúc bấy giờ, ….. được không? (Hành động khẳng định).

d. Vì sao vậy ? (hỏi gây sự chú ýý).

e. Nếu vậy, rồi đây,…..trời đất nữa? (Hành động phủ định.)

-> Câu a tạo tâm thế cho các tướng sĩ.

Câu b, c, d thuyết phục, động viên, khích lệ tướng sĩ.

Câu e: khẳng định chỉ có một con đường là chiến đấu đến cùng bảo vệ đất nước.

2. Bài tập 2:

a, Tất cả các câu trần thuật đều thực hiện hành động cầu khiến, kêu gọi.

b, Điều mong muốn…. cách mạng thế giới.

=> Dùng câu trần thuật để kêu gọi như vậy làm cho quần chúng thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.

3. Bài tập 3:

Dế Choắt: - Song anh cho phép….

- Anh đã nghĩ thương em như thế này…..

Dế Mèn: Được, chú mình cứ nói…..

- Thôi, im cái điệu hát dầm sùi sụt ấy đi.

NX:

- Dế Choắt yếu đuối nên cầu khiến nhã nhặn, mềm mỏng, khiêm tốn.

- Dế Mèn ỉ thế là kẻ mạnh nên giọng điệu ra lệnh ngạo mạn, hách dịch.

4. Bài tập 4:

- Có thể dùng cả năm cách

- Cách (b) và (e) nhã nhặn, lịch sự hơn.

5. Bài tập 5:

- Hành động (a) hơi kém lịch sự.

- Hành động (b) dí dỏm, hài hước.

*\* Báo cáo kết quả:*

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân trả lời hiểu biết về hành động nói.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: chuyển giao nhiệm vụ

- Hành động trình bày, bộc lộ cảm xúc gồm những hành động cụ thể nào?

- Hành động giao kết, tuyên bố gồm những hành động cụ thể nào?

- So sánh giữa hành động điều khiển và hành động tuyên bố.

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

***\* Dự kiến sản phẩm:***

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Dựng một đoạn hội thoại có sử dụng Hành động nói. Chỉ rõ Kiểu câu và Hành động nói trong từng câu thoại.

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: Nước Đại Việt ta

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 98,99**. **Văn bản**

**NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

**( Trích “Bình Ngô đại cáo”)**

*- Nguyễn Trãi-*

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức :**

- Thấy được đoạn văn có ý nghĩa như lời tuyên ngôn của dân tộc ta ở thế kỉ XV; Thấy được phần nào sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận Nguyễn Trãi: Lập luận chặt chẽ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

**2. Năng lực :**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích.

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận chính trị.Năng lực cảm thụ văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 5P)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

**b. Nội dung:** Hiểu biết của HS về các tác phẩm của Nguyễn Trãi trong chương trình.

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: nêu câu hỏi

? Trong chương trình văn học lớp 7, em đã được học các tác phẩm nào của Nguyễn Trãi?

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

*\* Dự kiến sản phẩm:*

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong chương trình ngữ văn 7, các em đã được làm quen với tác giả Nguyễn Trãi qua văn bản “Bài ca Côn Sơn”- được ông sáng tác trong thời gian ông lui về Côn Sơn ở ẩn. Hôm nay, chúng ta sẽ lại 1 lần nữa được gặp lại ông trong 1 cương vị, một sứ mạng lịch sử vô cùng quan trọng và mới mẻ qua việc tìm hiểu VB: “Nước Đại Việt ta”.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (65P)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Chuẩn KTKN**  **cần đạt** |
| **Hoạt động 1:** Giới thiệu chung  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi và văn bản ***Nước Đại Việt ta*.**  **b. Nội dung:** Hoạt động giao dự án tìm hiểu tác giả, tác phẩm trước ở nhà.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Trãi?  2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Nước Đại Việt ta”  3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? So sánh với các thể loại trước.  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  *\** Hình thức:  1. Tác giả:  - Nguyễn Trãi là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.  - Là người có tài năng lỗi lạc: về chính trị, quân sự, ngoại giao, một tác giả lớn của nền văn học trung đại.  - Luôn kề vai sát cánh cùng Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh.  Trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi, văn chính luận có vị trí đặc biệt quan trọng.  2. Văn bản:  - Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.  - “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428).  - Thể cáo.  - Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sựu nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần.  So sánh thể cáo, hịch, chiếu  - Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biền ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng.  - Khác nhau về chức năng:…  Văn bản “ Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.  Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản.  - Bố cục: 3 phần  P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa.  P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.  P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  *Gv:*  *- Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan.*  *Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).*  *- Tháng 11/1406 nhà Minh xâm lược nước ta. Đến năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh ở Lam Sơn- Thanh Hoá. Đến cuối năm 1427 thì giành thắng lợi. Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi sát cánh bên nhau từ những ngày đầu khởi nghĩa cho đến ngày giành thắng lợi,-> Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết bài “Bình Ngô đại cáo” vào khoảng năm 1428 để ban bố cho nhân dân cả nước biết sự nghiệp bình Ngô phục quốc của đất nước ta đã giành thắng lợi.*  ***- Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo): phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỉ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học lịch sử.***    **Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản:**  **a. Mục tiêu:**  + Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn đôc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lí lẽ và thực tiễn.  + Nhận ra và hiểu được sực thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.  + Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn.  **b. Nội dung:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm tìm hiểu nguyên lí nhân nghĩa.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời**,** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Em hiểu *nhân nghĩa* ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì ?  2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai ? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***  1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái.  - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.  2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc.  - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo  - Dân: là người dân nước Đại Việt.  - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước.  => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ***GV:*** Như vậy… Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -> Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo.  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  **a.** Những câu bạn vừa đọc khẳng định điều gì?  **b.** Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta?Em có nhận xét gì về những yếu tố được đưa ra?  **c.** Những chứng cớ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cớ đó có sức thuyết phục không?  **d.** Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó?  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  a . Quyền độc lập:  b. + Quốc hiệu  + Nền văn hiến lâu đời.  + Lãnh thổ riêng  + Phong tục riêng  + Lịch sử riêng  + Chế độ, chủ quyền riêng  + Nhân tài  c.Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.  d. Liệt kê, so sánh đối lập  -> Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập.  -> Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ***GV:*** Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, Vb “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời.  Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng đinh chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều.....(chỉ bảng)  Và hơn thế nữa, nếu trong “NQSHà”. LTKiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ N.Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh DT, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa.  **Chuyển ý:** Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của DT ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lich sử thật tiêu biểu.  **a. Mục tiêu:** HS nắm được sức mạnh của những chứng cớ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:** vở ghi HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**    \* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối .  **?** Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cớ lịch sử nào?  **?** Kết quả của các sự kiện đó?  nhục nhã.  **?** Việc dẫn ra một loạt các chứng cớ như trên nhằm mục đích gì?  **?** Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?  **?** Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?  **?** Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?  **\* HS tiếp nhận, thực hiện**  **\* Dự kiến trả lời:**  - Lưu Cung-> thất bại  - Triệu Tiết-> tiêu vong  - Toa Đô-> bắt sống  - Ô Mã-> giết tươi  -> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại  **\*** Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.  -> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.  **=>** Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL  -> Yêu nước  Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ  Giàu tình cảm và lòng tự hào DT...   * GV chốt:   **Hoạt động 5: Tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.  **b. Nội dung:** Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của hs  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  **- HS:** tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang.  Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dung trên cơ sở nhân nghĩa vì dân.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **I. Giới thiệu chung**  **1.Tác giả:**  - Nguyễn Trãi (1380-1442)  + Quê: Chí Linh, Hải Dương.  + Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.  **2. Văn bản**  **a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại :**  Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.  - Thể loại: Cáo  **b. Đọc, chú thích bố cục**  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Nguyên lí nhân nghĩa:**  Nhân nghĩa:  +Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh phúc.  + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược.  -> Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.  => Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân.  **2.** **Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:**  - Quyền độc lập:  + Quốc hiệu  + Nền văn hiến lâu đời.  + Lãnh thổ riêng  + Phong tục riêng  + Lịch sử riêng  + Chế độ, chủ quyền riêng  + Nhân tài  -> Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.  - NT: Liệt kê, so sánh đối lập  => Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan.  - NT: sử dụng câu văn biền ngẫu, so sánh…  -> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.  **3. Những chứng cớ lịch sử:**  - Lưu Cung-> thất bại  - Triệu Tiết-> tiêu vong  - Toa Đô-> bắt sống  - Ô Mã-> giết tươi  -> Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.  - NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:** ….  **2. Nội dung:** …. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 p)**

**a. Mục tiêu:**

-Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**b. Nội dung:** HS so ánh điểm khác biệt giữa hai văn bản.

**c. Sản phẩm:**  hs làm vào vở bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: Hãy so sánh hai văn bản « Sông núi nước Nam » LTK và « Nước Đại Việt ta » NT ?

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

***\* Dự kiến sản phẩm:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Sông núi nước Nam** | **Nước Đại Việt ta** |
| Nước có chủ quyền | Vua Nam ở | Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. |
| Sức mạnh của nhân nghĩa | Bị đánh tơi bời | Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong. |
| Quan điểm tiến bộ |  | Nhân nghĩa cốt ở yên dân  Làm nên đấtnước là hào kiệt đời nào cũng có. |

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs: trình bày miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- Vẽ sơ đồ bài học.

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc nhóm bàn

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

***\* Dự kiến sản phẩm:***

Nguyên lý nhân nghĩa

Lịch sử

riêng

Trừ bạo

Giặc Minh xâm lược

Yên dân

Bảo vệ đất nước

Chân lý về sự tồn tại độc lập

có chủ quyền của dân tộc Đại Việt

Chế độ

Chủ quyền riêng

Phong tục

riêng

Văn hiến

lâu đời

Lãnh thổ

riêng

Sức mạnh của nhân nghĩa.

Sức mạnh của độc lập dân tộc

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân nêu được cảm nhận sau khi học văn bản.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: “Nước Đại Việt ta” đã cho em cảm nhận gì?

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

***\* Dự kiến sản phẩm:***

- Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

- Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.

- Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Tự học bài: Ôn tập về luận điểm

- Chuẩn bị bài: Viết đoạn văn trình bày luận điểm

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

**Tiết 100. Tập làm văn**

**VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:**Nhận thức được tàm quan trọng của việc trình bày luận điểmtrong một bài văn nghị luận. Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo các cách diễn dịch, qui nạp.

**2**.**Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

- Rèn kĩ năng phân tích đoạn văn nghị luận, xây dựng luận điểm, luận cứ, lập luận, viết hai đoạn văn nghị luận: Diễn dịch, qui nạp.Năng lực viết đoạn văn trình bày luận điểm.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**-** HS có ý thức trau dồi kiến thức, kĩ năng làm bài TLV.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU( 3P)**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục…), luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu

**b. Nội dung:** Kiểm tra việc nắm bài cũ của HS

**c. Sản phẩm:**  Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Luận điểm là gì? có mấy cách trình bày đoạn văn thường gặp?

Câu 2: Trong“ Nước Đại Việt ta”, Nguyễn Trãi đã đưa ra quan điểm xác định chủ quyền của một quốc gia, một dân tộc như thế nào? Hãy phân tích làm rõ điều đó.

**- HS:** tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh:* trả lời

*- Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

*\* Dự kiến sản phẩm:*

**Chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền** (8 câu ).

- Xác định độc lập, chủ quyền:

+ Văn hiến: lâu dài

+ Cương vực lãnh thổ: Núi sông, bờ cõi ..

+ Phong tục tập quán: Phong tục Bắc - Nam …

+ Lịch sử, chế độ: Triệu, Đinh, Lý, Trần – Hán, Đường, Tống, Nguyên – phép đối xứng.

- Lập luận:

+ Từ ngữ: Từng nghe, như, vốn, đã lâu, từ, cùng, tuy, song;

+ Dùng biện pháp so sánh đối chiếu tương ứng.

=> Bằng lập luận, phép đối chiếu tác giả vạch rõ thế nào là đất nước độc lập có chủ quyền.

***\* Báo cáo kết quả:*** Học sinh trả lời miệng

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

Luận điểm có thể nằm ở đầu hoặc ở những vị trí khác trong đoạn văn. Khi viết câu văn mang luận điểm ta thường sử dụng những cách nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Trình bày luận điểm thành một đoạn văn:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được  *+* Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận.  + Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp.  **b. Nội dung:** Hoạt động nhóm  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập của nhóm  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1.Xác định câu chủ đề (câu nêu lđ) trong mỗi đoạn văn?  2. Nhận xét vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn (đầu đọan hay cuối đoạn)?  3. Trong hai đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch, đoạn nào được viết theo cách quy nạp? Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn?  4. Từ hai VD trên, em hãy nhận xét có mấy cách trình bày đoạn văn ? Đó là những cách nào?  *- HS: tiếp nhận*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *\* Dự kiến sản phẩm:*  1. Câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong mỗi đoạn văn:  a, Thật là chốn hội tụ ….muôn đời.  b, Đồng bào ta ngày nay ….ngày trước.  2. Vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn :  - Đ1: Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn văn.  - Đ2: Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.  3. \* - Đ1: được viết theo cách quy nạp.  - Đ2: được viết theo cách diễn dịch.  \* Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn:  + Để làm sáng tỏ luận điểm “Thành Đại La thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của các đế vương muôn đời”, tác giả đưa ra những luận cứ :  - Thành Đại La vốn là kinh đô cũ của Cao Vương.  - Vị trí: trung tâm trời đất.  - Thế đất qúy hiếm: rồng cuộc, hổ ngồi.  - Dân cư: đông đúc, muôn vật phong phú tốt tươi.  - Nơi thắng địa (Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp).  + Ở đoạn văn (b) để làm sáng tỏ cho luận điểm “Đồng bào …ngày trước” tác giả đưa ra những luận cứ :  - Theo lứa tuổi: cụ già, nhi đồng trẻ thơ.  - Theo không gian, vùng miền: kiều bào ở nước ngoài – vùng bị tạm chiến trong nước; miền xuôi – miền ngược.  - Theo vị trí công tác, ngành nghề: chiến sĩ ngoài mặt trận – công chức ở hậu phương – công nhân – nông dân - điều chủ.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  1. Lập luận là gì? Tìm luận điểm và cách lập luận của đoạn văn?  2. Cách lập luận trên có tác dụng gì (Cách lập luận trong đoạn văn trên có làm cho luận điểm trở nên sáng tỏ, chính xác và có sức thuyêt phục mạnh mẽ không?  3. Em có nhận xét gì về việc sắp xếp các ý trên trong đoạn văn? Nếu tác giả đưa nhận xét về Nghị Quế “đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu” lên trên và đưa nhận xét “vợ chồng địa chủ cũng ... thích chó, yêu gia súc” xuống dưới thì hiệu qủa diễn đạt đoạn văn có thay đổi không ? Vì sao?  4. Trong đoạn văn những cụm từ “chuyện chó con, giọng chó má, thằng nhà giàu rước chó vào nhà, chất chó đểu của giai cấp nó” được sắp xếp cạnh nhau. Cách viết ấy có tác dụng gì (có làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn không)? Vì sao?  - HS: tiếp nhận  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - *Học sinh*: làm việc cá nhân.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  ***\* Dự kiến sản phẩm:***  1. - Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.  - Luận điểm: Bản chất giai cấp chó đểu của vợ chồng Nghị Quế hiện rõ qua việc chúng mua chó.-> Đoạn quy nạp.  - Sử dụng tương phản: đặt chó bên người, đặt cảnh xem chó, qúy chó, mua chó, sung sướng bù khú với chó/ bên cạnh giọng chó má với người bán chó (chị Dậu).  2. Cách lập luận trên làm rõ bản chất chó má của giai cấp địa chủ (vợ chồng Nghị Quế).  3. - Cách đưa các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm rất đầy đủ, chặt chẽ, sắp xếp các ý theo thứ tự hợp lí -> Nếu thay đổi sẽ làm cho luận điểm bị mờ nhạt đi, đoạn văn rời rạc không liên kết.  4.Cách viết ấy làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn. Vì nó chính là cách thức để Nguyễn Tuân làm cho đoạn văn xoáy sâu vào luận điểm, vào vấn đề làm nổi bật bản chất thú vật của bọn địa chủ hiện ra thành hình ảnh rõ ràng, lí thú hơn.  ***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trả lời  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn:**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Câu chủ đề của đoạn văn:  + Diễn đạt ngắn gọn, rõ ý, chính xác nội dung luận điểm.  + Vị trí: nằm ở đầu đoạn (cách diễn dich) hoặc cuối đoạn (cách quy nạp).    - Luận cứ phải đầy đủ, toàn diện.  - Lập luận phải có sự liên kết chặt chẽ, theo một trật tự hợp lí.  - Lời văn diễn đạt trong sáng, có sức thuyết phục.  3. Ghi nhớ: sgk/ 81 |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân (bài 3,4), HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (b2).

**c. Sản phẩm:**  phiếu học tập của nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV: Bài tập 1, 2, 3, 4

- HS: tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

*- HS:* hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

*- Giáo viên:* quan sát, hướng dẫn hs

***\* Dự kiến sản phẩm:***

1. Bài tập 1:

N1: Cần tránh lối viết dài dòng khiến người đọc khó hiểu.

N2: Nguyên Hồng thích truyền nghề cho bạn trẻ.

- Niềm say mê đào tạo nhà văn trẻ của Nguyên Hồng.

**2. Bài tập 2:**

- Luận điểm: Tế Hanh là một người rất tinh tế (tinh lắm).

- Luận cứ:

+ Tế Hanh đã ghi được đôi nét thân tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.

+ Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần….

-> Nhận xét: các luận cứ được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, luận cứ sau biểu hiện mức độ tinh tế cao hơn so với luận cứ trước. Nhờ vậy, độc giả càng đọc càng thấy hứng thú.

**3. Bài tập 3:**

\* Luận điểm 1: Học phải kết hợp với làm …..

- Luận cứ:

+ Làm bài tập là thực hành bài học lí thuyết -> Hiểu kiến thức sâu hơn.

+ Làm bài tập giúp ta nhớ kiến thức dễ dàng hơn.

+ Làm bài tập là rèn kĩ năng tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, chứng minh

-> Vì vậy, nhất thiết học phải kết hợp với làm bài tập thì mới đầy đủ vững chắc.

\* Luận điểm 2: Học vẹt không phát……

- Luận cứ:

+ Học vẹt là học thuộc lòng giống như con vẹt học nói tiếng người, không hiểu hoặc hiểu lơ mơ, chóng quên.

+ Học vẹt chỉ mất thời gian, công sức mà không đem lại hiệu qủa gì.

+ Bởi vậy, không thể theo cách học vẹt. Học phải dựa trên cơ sở hiểu, gắn với nhận thức về vấn đề.

**4. Bài tập 4:**

- Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu.

- Cac luận cứ được sắp xếp theo thứ tự sau :

+ Mục đích của văn giải thích: văn giải thích viết ra là nhằm làm cho người đọc hiểu.

+ Giải thích dễ hiểu thì người đọc dễ hiểu, giải thích khó hiểu thì người viết càng xa mục đích đề ra.

+ Bởi vậy văn giải thích phải viết cho dễ hiểu.

***\* Báo cáo kết quả:***

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3,4

***\* Đánh giá kết quả:***

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV: chuyển giao nhiệm vụ

Hãy sắp xếp các luận cứ của bài 4 (Phần luyện tập) thành đ.văn hoàn chỉnh.

- HS: tiếp nhận

**\*Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*\* Dự kiến sản phẩm:*

***\* Báo cáo kết quả:*** Hs trình bày

***\* Đánh giá kết quả:***

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Sưu tầm và pt về cách trình bày các luận điểm trong 1 bài văn nghị luận được coi là mẫu mực như" Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"...

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: Bàn luận về phép học

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |